TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC NAM** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2023/HNGĐ-ST
Ngày 14 - 4 - 2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Hoài Mơ, ông Nguyễn Văn Chấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Trang – Thư ký, Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên toà: Ông Hoàng Văn Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 492/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2023/QĐXX-ST ngày 15 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30/3/2023 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1996 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Nơi ĐKHKT: Thôn B, xã B, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Nơi đang ở: Thôn N, xã N, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1996 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn Đ vào năm 2018 trên cơ sơ tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau ngày cưới chị về sống cùng với gia đình chồng tại thôn B, xã B, huyện Lục Nam. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc từ khi cưới đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm về kinh tế và tình cảm, cuộc sống thường xảy ra cãi vã, to tiếng. Tháng 7/2021 anh Đ thường bỏ nhà đi nhiều ngày, không rõ đi đâu và làm gì, nên vợ chồng càng ngày càng xa lánh nhau. Từ tháng 8 năm 2021 chị

đưa con con về ở với gia đình bố mẹ đẻ tại thôn N, xã N, huyện Lục Ngạn đến nay. Nay chị thấy thời gian vợ chồng sống ly thân đã lâu, mâu thuẫn đã trầm trọng nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Bảo A, sinh ngày 18/5/2018. Hiện nay con đang ở với mẹ, khỏe mạnh, phát triển bình thường, ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản, công nợ chung: Chị và anh Nguyễn Văn Đ sẽ tự thỏa thuận với nhau, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề này.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh Đ nhiều lần nhưng anh Đ không đến làm việc. Tại biên bản xác minh ngày 22/11/2022 với chính quyền nơi anh Đ cư trú, được biết anh Đ là người sinh sống tại thôn B, xã B, huyện Lục Nam. Ở địa phương anh làm thợ điện nước, lần gần nhất thấy anh Đ ở nhà là đầu tháng 11 năm 2022, thời gian gần đây anh Đ thường vắng nhà. Việc anh Đ đi đâu, làm gì thì địa phương không có thông tin.

Ngày 22/11/2022 Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai thông báo về việc thụ lý vụ án tại Nhà văn hóa thôn B; trụ sở UBND xã B và Tòa án nhân dân huyện Lục Nam theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 30/01/2023 Tòa án niêm yết công khai thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đối với anh Nguyễn Văn Đ nhưng anh Đ vẫn tiếp tục vắng mặt không lý do.

Ngày 16/02/2023 Tòa án có Công văn số 41/TA gửi Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Bộ Công an đề nghị cung cấp thông tin xuất nhập cảnh đối với anh Nguyễn Văn Đ. Ngày 22/02/2023 Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Bộ Công an có Văn bản số 3587/QLXNC-P5 trả lời "Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1996, căn cước công dân số 024096005140 không có thông tin xuất nhập cảnh".

Ngày 27/02/2023 Tòa án nhân dân huyện Lục Nam có Công văn số 59/TB-TA yêu cầu Đài Tiếng nói Việt Nam (VOV); Báo Công lý phát, đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng để anh Nguyễn Văn Đ biết việc Tòa án đang giải quyết yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T đối với anh.

Hết thời hạn niêm yết công khai và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng Tòa án không nhận được văn bản ghi ý kiến của anh Đ đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T. Do vậy Tòa án không thu thập được lời khai của anh Nguyễn Văn Đ.

Ngày 30/3/2023 Tòa án đã mở phiên tòa xét xử vụ án lần thứ nhất nhưng phải hoãn phiên tòa vì anh Đ vắng mặt. Tại phiên tòa hôm nay anh Đ vẫn tiếp tục vắng mặt không lý do.

Chị Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa sơ thẩm phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa, Thẩm phán và Thư ký tòa án đã tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về phía các đương sự, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn là anh Nguyễn Văn Đ không cung cấp văn bản ghi ý kiến, vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, vắng mặt tại phiên tòa không lý do là chưa thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 9, 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về xử lý án phí, lệ phí, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Nguyễn Bảo A, sinh ngày 18/5/2018. Anh Nguyễn Văn Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị T là nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng T án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số T 300.000 đồng chị T đã nộp tạm ứng án phí ngày 21/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Nguyễn Thị T là người có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" với anh Nguyễn Văn Đ. Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ là người có địa chỉ cư trú tại thôn B, xã B, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng các thủ tục tố tụng cho bị đơn anh Nguyễn Văn Đ theo quy định tại Điều 179 và Điều 180 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. *(Đăng các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử trên cổng thông tin điện tử Tòa án và Báo Công lý 03 số liên tiếp; phát sóng trên Đài Tiếng nói Việt Nam 03 ngày liên tiếp).*

Ngày 30/3/2023 Hội đồng xét xử sơ thẩm hoãn phiên tòa lần thứ nhất vì anh Đ vắng mặt không lý do.

Xét thấy anh Nguyễn Văn Đ là người vẫn thường xuyên sinh sống tại thôn B, xã B, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Gia đình anh có nhà, đất tại địa phương, mặt khác tại Công văn số 3587/QLXNC-P5 ngày 22/02/2023 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Bộ Công an đã cung cấp "Không có thông tin xuất nhập cảnh của anh Nguyễn Văn Đ". Như vậy chứng tỏ anh Đ biết việc Tòa án đang giải quyết yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T đối với anh nhưng anh cố tình trốn tránh, giấu địa chỉ, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Văn Đ.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn với nhau vào năm 2018 trên tinh thần tự nguyện, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang *(theo giấy chứng nhận kết hôn số 30 do UBND xã B cấp ngày 08/5/2018)*. Do vậy xác định quan hệ giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn Đ là hôn nhân hợp pháp.

[3.2] Về mâu thuẫn vợ chồng:

Căn cứ tài liệu xác minh, thu thập trong hồ sơ cho thấy: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn Đ trong cuộc sống có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp nên thường cãi vã, to tiếng với nhau. Từ tháng 8/2021 đến nay, chị T đưa con về gia đình bố mẹ đẻ tại thôn N, xã N, huyện Lục Ngạn để sinh sống.

Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình có quy định về việc vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, cụ thể:

"Điều 19. Tình nghĩa vợ chồng

1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác".

Chị Nguyễn Thị T ly thân với anh Nguyễn Văn Đ từ tháng 8/2021 đến nay chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng là có thật. Trong thời gian dài vợ chồng không ở cùng nhau, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Phía anh Đ không thiện chí hòa giải để hàn gắn hôn nhân, vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc cũng như tại phiên tòa. Do vậy, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị T, xử cho chị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ là phù hợp quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn Đ có một con chung là Nguyễn Bảo A, sinh ngày 18/5/2018. Con đang ở cùng mẹ từ nhỏ và hiện tại khỏe mạnh, phát triển bình thường. Xét nguyện vọng nuôi con của chị T thì thấy, hiện nay chị T có công việc và thu nhập ổn định (làm giáo viên tại trường Tiểu học B), chị có nhiều thời gian để chăm sóc con, có nơi ăn ở đảm bảo sinh hoạt. Mặt khác hiện nay anh Nguyễn Văn Đ không rõ đi đâu, làm gì, không xác định được điều kiện nuôi con của anh Đ. Do vậy cần giao con cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sẽ đảm bảo cho sự phát triển mọi mặt của con và phù hợp quy định tại Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.4] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, tài sản, công nợ chung: Do chị Nguyễn Thị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Trường hợp đương sự tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con, tài sản, công nợ chung và có đơn yêu cầu thì sẽ được Tòa án xem xét, giải quyết bằng một vụ án khác.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

[5] Về chi phí tố tụng: Chị Nguyễn Thị T là người yêu cầu Tòa án tiến hành thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nên chị T phải chịu lệ phí theo quy định tại khoản 2 Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự. *(lệ phí phát thông báo trên sóng Đài Tiếng nói Việt Nam là 1.500.000 đồng và lệ phí đăng tin trên Báo Công lý là 1.500.000 đồng, tổng cộng là 3.000.000 đồng).*

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 9, 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con là Nguyễn Bảo A, sinh ngày 18/5/2018.

Anh Nguyễn Văn Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số T 300.000 đồng chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số

0014104 ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ T án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về chi phí tố tụng: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) lệ phí đăng, phát thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng. Xác nhận chị T đã nộp đủ lệ phí.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Nam;
- UBND xã B, huyện Lục Nam;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Cổng thông tin điện tử TAND tối cao.
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thái Sơn